

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Kèm theo Quyết định số 1080/QĐ-ĐHTĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018)

Cần Thơ, 2018



MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo (CTĐT)	1
1.2. Thông tin chung về tên và mã ngành, văn bằng, trình độ, thời gian đào tạo	1
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	1
2.1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tây Đô	1
2.1.1. Sứ mạng	1
2.1.2. Tầm nhìn	1
2.1.3. Mục tiêu chiến lược	2
2.1.4. Các giá trị cốt lõi:.....	2
2.1.5. Triết lý giáo dục.....	2
2.2. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu chiến lược của Khoa Quản trị kinh doanh.....	2
2.2.1. Sứ mạng	2
2.2.2. Tầm nhìn.....	2
2.2.3. Mục tiêu đào tạo	2
2.2.4. Mục tiêu phát triển đến năm 2023	2
2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	3
2.3.1. Mục tiêu chung	3
2.3.2. Mục tiêu cụ thể	3
3. Chuẩn đầu ra	4
3.1. Kiến thức	4
3.1.1. Kiến thức chung.....	4
3.1.2. Kiến thức ngành.....	4
3.2. Kỹ năng.....	4
3.2.1. Kỹ năng chuyên ngành	4
3.2.2. Kỹ năng mềm.....	4
3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	5
4. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP.....	5
5. Thông tin tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp.....	5
5.1. Thông tin tuyển sinh.....	5
5.1.1. Điều kiện dự thi	6
5.1.2. Loại hình đào tạo và thời gian đào tạo.....	7
5.1.3. Đối tượng và chính sách ưu tiên	7
5.1.4. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển.....	8
5.2. Quy trình đào tạo.....	9

5.3.	Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.....	9
6.	Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy.....	9
6.1.	Đội ngũ.....	9
6.2.	Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy	10
7.	Chiến lược giảng dạy và học tập.....	10
7.1.	Chuẩn bị của giảng viên.....	11
7.2.	Các phương pháp và chiến lược dạy học.....	11
7.3.	Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học.....	12
8.	Phương pháp kiểm tra, đánh giá.....	12
8.1.	Đánh giá học phần.....	12
8.2.	Cách tính điểm thành phần, điểm học phần.....	13
8.3.	Rubric đánh giá học phần.....	14
8.3.1.	Rubric – Đánh giá chuyên đề môn học.....	14
8.3.2.	Rubric – Đánh giá tiểu luận kết thúc học phần.....	16
8.3.3.	Rubric - Đánh giá luận văn tốt nghiệp.....	17
9.	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	20
9.1.	Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	20
9.2.	Danh mục các học phần.....	20
9.3.	KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY	21
10.	TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN	28
10.1.	Triết học (03TC: 02LT, 01TH).....	28
10.2.	Tiếng Anh (03TC: 02LT, 01TH).....	28
10.3.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong kinh doanh (03TC: 02LT, 01TH) 28	
10.4.	Luật kinh doanh quốc tế (3TC: 02LT, 01TH).....	28
10.5.	Quản trị Tài chính và kế toán cho cấp quản trị (03TC: 02LT, 01TH).....	29
10.6.	Lý thuyết và các mô hình quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp (03TC: 02LT, 01TH).....	29
10.7.	Quản trị Marketing nâng cao (03TC: 02LT, 01TH).....	29
10.8.	Chiến lược và các mô hình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp (03TC: 02LT, 01TH) 29	
10.9.	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (03TC: 02LT, 01TH).....	30
10.10.	Quản trị sản xuất dịch vụ (03TC: 02LT, 01TH).....	30
10.11.	Quản trị chất lượng cao (03TC: 02LT, 01TH).....	30
10.12.	Quản trị rủi ro (03TC: 02LT, 01TH).....	30
10.13.	Quản trị kinh doanh quốc tế (03TC: 02LT, 01TH).....	31
10.14.	Hành vi tổ chức (03 TC: 02LT, 01TH).....	31
10.15.	Xử lý dữ liệu phần mềm SPSS (03 TC: 02LT, 01TH).....	31

10.16. Quản trị chuỗi cung ứng và logistic (03TC: 02LT, 01TH)	31
10.17. Quản trị hệ thống doanh nghiệp (03TC: 02LT, 01TH).....	32
10.18. Quản trị sự thay đổi (03TC: 02LT, 01TH).....	32
10.19. Quản trị xung đột (03TC: 02LT, 01TH).....	32
10.20. Nghiên cứu Marketing (03TC: 02LT, 01TH).....	32
10.21. Quản trị ngân hàng hiện đại (03TC: 02LT, 01TH).....	33
10.22. Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo (03TC: 02LT, 01TH).....	33
10.23. Quản trị khủng hoảng (03TC: 02LT, 01TH)	33
10.24. Tái cấu trúc sáp nhập và mua lại công ty (03TC: 02LT, 01TH).....	33
10.25. Nhượng quyền thương mại (03TC: 02LT, 01TH)	33
10.26. Phân tích định lượng trong kinh doanh (03TC: 02LT, 01TH).....	33
11. ĐỐI SÁNH CTĐT	34
12. PHÊ DUYỆT CTĐT	35

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo (CTĐT)

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD được điều chỉnh năm 2018 nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD năm 2018 được kế thừa từ các phiên bản CTĐT trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan.

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD được xây dựng theo **định hướng ứng dụng**.

Học viên được đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QTKD các kiến thức, kỹ năng và thái độ về khoa học, kỹ thuật công nghệ và nghề nghiệp, để trở thành một thạc sĩ có chất lượng cao và đảm trách được các công việc trong lĩnh vực QTKD.

1.2. Thông tin chung về tên và mã ngành, văn bằng, trình độ, thời gian đào tạo

- Tên chương trình (tiếng Việt): **Quản trị kinh doanh**
- Tên chương trình (tiếng Anh): **Business Management**
- Mã ngành: **8340101**
- Đơn vị cấp bằng: **Trường Đại học Tây Đô**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: **Thạc sĩ Quản trị kinh doanh**
- Trình độ: **Thạc sĩ**
- Thời gian: **02 năm** (kéo dài không quá 04 năm)

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tây Đô

Trường DHTĐ được thành lập theo Quyết định số 54/2006/QĐ-TTg ngày 09/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ, là trường ĐH tư thục đầu tiên ở ĐBSCL. Trụ sở của Trường đặt tại số 68 Trần Chiên, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

2.1.1. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

2.1.2. Tầm nhìn

Trường Đại học Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu ở Khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng. Phấn đấu đến năm 2035, một số ngành đào tạo hệ đại học chính quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm Khu vực Đông Nam Á.

2.1.3. Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chiến lược đến năm 2035 là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng có uy tín, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững về các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sức khoẻ vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2.1.4. Các giá trị cốt lõi:

Trí tuệ - Sáng tạo - Năng động - Đổi mới

2.1.5. Triết lý giáo dục

- Học suốt đời để làm việc suốt đời
- Thực học - Thực nghiệp

2.2. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu chiến lược của Khoa Quản trị kinh doanh

2.2.1. Sứ mạng

Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng nghiên cứu kết hợp thực hành quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển chất lượng, hiệu quả và bền vững; nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội; tạo môi trường thuận lợi để sáng tạo, nuôi dưỡng, phát triển tài năng trong các lĩnh vực quản trị kinh doanh hiện đại.

2.2.2. Tầm nhìn

Trở thành Khoa theo định hướng nghiên cứu ứng dụng được xếp hạng ngang tầm với các Khoa quản trị kinh doanh tiên tiến trong vùng và cả nước, trong đó có 2 ngành đào tạo được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học cấp trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2.3. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo ra những học viên, sinh viên năng động và có đầy đủ sức khỏe; có kiến thức chuyên môn vững vàng; có kiến thức về chính trị xã hội, pháp luật và công nghệ thông tin; có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và quản lý giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tại các đơn vị tổ chức/doanh nghiệp trong môi trường luôn thay đổi.

2.2.4. Mục tiêu phát triển đến năm 2023

- Mở rộng ngành nghề đào tạo cả bậc đại học và sau đại học.
- Tăng quy mô đào tạo so với hiện tại 20%
- Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học. Nâng cao cả về số lượng và chất lượng.

- Thực hiện kiểm định 2 CTĐT bậc đại học và 01 CTĐT ngành Quản trị kinh doanh trình độ Thạc sĩ

2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.3.1. Mục tiêu chung

CTĐT thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị và nâng cao các kiến thức, kỹ năng về quản trị cho các chuyên gia quản lý hoạt động trong các lĩnh vực: quản lý, nghiên cứu, giảng dạy. Sau khi hoàn tất chương trình, người học đạt được các chuẩn đầu ra về: kiến thức, có đủ năng lực, tự tin và khả năng giải quyết một cách khoa học các vấn đề quản trị trong các doanh nghiệp, các tổ chức và các cơ quan nhà nước, có khả năng khởi nghiệp, và nghiên cứu, giảng dạy các kiến thức ngành ở các trường Trung cấp, cao đẳng và đại học.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

G1. Giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành và chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo;

G2. Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ;

G3. Có trình độ ngoại ngữ, tin học để ứng dụng các phần mềm hiện đại phục vụ nghiên cứu, tính toán và tối ưu các giải pháp trong thực tiễn sản xuất;

❖ Về kỹ năng:

G4. Có khả năng sáng tạo, nhanh chóng giải quyết được các công việc phức tạp không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh;

G5. Có kỹ năng độc lập hoặc phối hợp với các chuyên gia để nghiên cứu, ứng dụng, đề xuất, triển khai và thực hiện các vấn đề đáp ứng yêu cầu thực tiễn;

G6. Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch;

G7. Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao;

G8. Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ.

❖ Thái độ

G9. Có năng lực nghiên cứu, tự trải nghiệm và kỹ năng mềm để tự phát triển nghề nghiệp, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn;

G10. Có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, tổ chức, đồng nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Kiến thức

3.1.1. Kiến thức chung

K1. Nắm vững các kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin, về phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói chung và chuyên ngành nói riêng, về kế toán, tài chính ngân hàng.

K2. Sử dụng tốt ít nhất một ngoại ngữ như tiếng Anh, đạt trình độ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và các phần mềm sử dụng trong ngành kinh tế.

3.1.2. Kiến thức ngành

K3. Nắm vững và có hệ thống các khái niệm, các quan hệ và qui luật phát triển của khối kiến thức cơ sở ngành ở mức độ nâng cao.

K4. Nắm vững có hệ thống và hiểu sâu sắc các kiến thức thuộc lĩnh vực Quản trị Kinh doanh.

K5. Vận dụng hiệu quả kiến thức lý thuyết vào thực tế các hoạt động của doanh nghiệp/ đơn vị để xây dựng chiến lược kinh doanh, kế hoạch hành động thúc đẩy phát triển doanh nghiệp.

3.2. Kỹ năng

Sau khi tốt nghiệp, học viên đạt được các kỹ năng:

3.2.1. Kỹ năng chuyên ngành

S6. Có khả năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để xử lý các nghiệp vụ phát sinh trong thực tiễn công tác tại doanh nghiệp/ đơn vị có liên quan tới lĩnh vực hoạt động tổ chức, sản xuất, kinh doanh, nhân sự, ... một cách khoa học nhằm điều hành, kiểm soát doanh nghiệp/ đơn vị một cách tốt nhất.

S7. Phân tích, đánh giá dữ liệu, dự báo và trình bày thông tin một cách độc lập phục vụ việc tổ chức các hoạt động của doanh nghiệp/ đơn vị.

S8. Hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau.

3.2.2. Kỹ năng mềm

S9. Khả năng tư duy, linh hoạt và sáng tạo trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

S10. Khả năng tổ chức, phối hợp và làm việc theo nhóm, phát triển nhóm để thực hiện những nhiệm vụ được giao tại doanh nghiệp/ đơn vị một cách hiệu quả.

S11. Tự tin, linh hoạt, khéo léo khi giao tiếp với đối tác, khách hàng của doanh nghiệp; đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của đối tác và khách hàng mà vẫn đảm bảo được lợi ích của doanh nghiệp.

S12. Có khả năng tự định hướng và hướng dẫn người khác hoàn thành nhiệm vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

C13. Có khả năng đưa ra được những kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp.

C14. Có khả năng quản lý tốt, thực hiện đánh giá và đề xuất giải pháp cải tiến các hoạt động chuyên môn

C15. Tuân thủ chấp hành các chính sách và pháp luật của Nhà nước, có trách nhiệm với công việc, xã hội và môi trường.

CĐR đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển và đánh giá CTĐT. Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình.

4. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Tây Đô, học viên có đủ năng lực chuyên môn để đảm nhiệm những công việc sau:

- Quản lý các hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp hoặc một bộ phận, một lĩnh vực doanh nghiệp.
- Trưởng thành nhanh, có thể đảm nhiệm chức vụ giám đốc trong doanh nghiệp: Giám đốc kinh doanh, Giám đốc sản xuất, Giám đốc nhân sự, ...
- Tự khởi nghiệp doanh nghiệp của mình và tạo việc làm cho người khác.
- Nghiên cứu, hoạch định và xây dựng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.
- Nghiên cứu viên và giảng viên trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh làm việc tại các cơ sở nghiên cứu, các trường Trung cấp, Cao đẳng và Đại học.
- Có thể học tiếp bậc tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo, hướng dẫn của Trường Đại học Tây Đô (<https://tdu.edu.vn/tuyen-sinh>).

- Tên ngành : Quản trị kinh doanh

- Mã số : 8340101
- Môn thi:

KHỐI KIẾN THỨC	MÔN THI	THỜI GIAN LÀM BÀI
Cơ bản	Kinh tế học	120 phút
Cơ sở	Quản trị học	120 phút
Ngoại ngữ	Anh văn	90 phút

- Khu vực tuyển sinh: Trên toàn quốc.

5.1.1. Điều kiện dự thi

Đối tượng dự thi chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng những điều kiện sau:

1) Về văn bằng:

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định;

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự thi, đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ sau khi đã hoàn thành học phần bổ sung kiến thức theo quy định.

Danh mục ngành đúng, gần ngành Quản trị kinh doanh	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1. Ngành đúng hoặc phù hợp: Quản trị kinh doanh quốc tế (ngoại thương), Kinh doanh dịch vụ - du lịch - lữ hành, Thương mại, Quản trị kinh doanh - Marketing, Quản trị Marketing...	Không	
2. Ngành gần: Kế toán, Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán, Tài chính - Tín dụng, Ngân hàng, Tài chính Doanh nghiệp, Kinh tế phát triển, Kế toán, Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán, Tài chính - Tín dụng, Ngân hàng, Tài chính Doanh nghiệp, Kinh tế phát triển, Kinh tế Nông nghiệp, Kinh tế Tài nguyên Môi trường.	1. Hành vi tổ chức	2
	2. Quản trị Marketing	2
	3. Quản trị học	2
3. Các ngành khác, ngoài khối ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh: Thí sinh tốt nghiệp đại học ở	1. Hành vi tổ chức	2
	2. Quản trị Marketing	2
	3. Quản trị học	2

các ngành khác, ngoài khối ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh	4. Quản trị sản xuất	2
	5. Quản trị nhân sự	2
	6. Quản trị tài chính	2

c) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định hiện hành;

2) Về kinh nghiệm chuyên môn:

Đối với thí sinh đăng ký có bằng tốt nghiệp đại học là ngành khác ngành đăng ký dự thi thì phải đảm bảo yêu cầu có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

3) Điều kiện miễn thi ngoại ngữ

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của cơ sở đào tạo thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh hoặc tương đương;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II) trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận (có quyết định cho phép cấp chứng nhận/chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường hợp nộp chứng chỉ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

5.1.2. Loại hình đào tạo và thời gian đào tạo

- Loại hình đào tạo: Chính quy.
- Thời gian đào tạo: 02 năm (tối đa không quá 4 năm)

5.1.3. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1) Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có

quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- c) Con liệt sĩ;
- d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;
- f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2) Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn thi cơ bản.

3) Chính sách hỗ trợ học phí:

- a) Giảm 20% học phí cho anh, chị, em, vợ/chồng cùng học tại trường;
- b) Đối với các ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Kế toán:
 - Giảm 10% học phí toàn khóa cho học viên là cựu sinh viên, học viên thạc sĩ của Trường;
 - Giảm 10 % học phí năm thứ nhất cho học viên là người thân của sinh viên, cựu sinh viên, học viên thạc sĩ của Trường;
- c) Chính sách học phí được công khai từ đầu khóa học.

5.1.4. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).
- Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo và tổng điểm hai môn thi của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.
- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:
 - a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;
 - b) Người có điểm cao hơn của môn thi cơ sở;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

5.2. Quy trình đào tạo

Quy chế đào tạo Nhà trường sử dụng là Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường ban hành trên cơ sở Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhằm tạo điều kiện để học viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, nghiên cứu và rèn luyện.

CTĐT được thiết kế 04 học kỳ tương ứng với 02 năm học, gồm 60 tín chỉ. Thời gian học tập tối đa là 04 năm. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ, mỗi học kỳ khoảng 16 tuần học, 02 tuần dự trữ, 2 tuần thi.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Học viên được trường xét, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định tại Khoản 2, Điều 35 theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Tây Đô (ban hành kèm theo Quyết định số 267/QĐ-DHTĐ ngày 01 tháng 6 năm 2016);

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 (điểm C) trở lên;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định.

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website: www.tdu.edu.vn của Trường.

6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. Đội ngũ

Bảng 1: Đội ngũ CB- GV khoa Quản trị kinh doanh

STT	HỌC HÀM HỌC VỊ	SỐ LƯỢNG
1	GS.TS	1
2	PGS.TS	5
3	TS	30
4	ThS	21
5	Kỹ sư	1
Tổng cộng		58

6.2. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Trường hiện có khối Nhà học chính có kết cấu 01 trệt 05 lầu và Nhà học chữ U có kết cấu 01 trệt ba lầu, cùng 03 dãy phòng học khu tầng trệt với tổng diện tích sử dụng hơn 59.000m², tổng cộng có hơn 100 phòng học đáp ứng nhu cầu học tập cho hơn 10.000 sinh viên, học sinh đang theo học tại Trường. Trường còn có Hội trường Lớn với hơn 700 chỗ ngồi. Đặc biệt, Trường Đại học Tây Đô còn có một hệ thống phòng học được thiết kế phù hợp với việc giảng dạy Cao học và Nghiên cứu sinh.

Bảng 2: Các phòng làm việc, phòng học và Hội thảo

TT	TÊN PHÒNG	Số lượng	Vị trí
1	Phòng làm việc của cán bộ, giảng viên	03	Nhà F
2	Phòng học dành riêng cho các lớp cao học	08	Nhà F
3	Phòng Hội thảo	02	Nhà F

Bảng 3: Thiết bị phục vụ cho đào tạo trình độ thạc sĩ

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên HP sử dụng thiết bị
1	Máy tính để bàn		50	Các học phần
2	Máy quay phim		01	Các học phần
3	Projector Panasonic PT-LB80NTEA Máy chiếu Panasonic 150 lumen Model PT LP 75	Malaysia	10	Các học phần

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

- Chiến lược giảng dạy và học tập của trình độ thạc sĩ QTKD tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT. Dựa trên chuẩn đầu ra này để xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần, tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

- Mỗi khóa đào tạo, Khoa Đào tạo Sau đại học phối hợp với Khoa Quản trị kinh doanh để lên kế hoạch giảng dạy cụ thể cho các công việc:

- o Kế hoạch giảng dạy cho toàn khóa, năm học và từng học kì;
- o Sinh hoạt đầu khóa và tổ chức Lễ Khai giảng cho khóa học;
- o Kế hoạch triển khai thẩm định tên đề tài, phân công CB hướng dẫn;

- Kế hoạch bảo vệ đề cương chi tiết của luận văn cho học viên;
- Kế hoạch bảo vệ luận văn tốt nghiệp;
- Kế hoạch xét tốt nghiệp và tổ chức Lễ Trao bằng Thạc sĩ.

Từ cơ sở trên để tiến hành thực hiện các hoạt động sau:

7.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy học phần trong CTĐT trình độ thạc sĩ QTKD đều được trang bị những phương pháp và hình thức dạy học khác nhau.

Trên cơ sở nắm bắt đặc điểm của học viên, giảng viên sẽ sử dụng phương pháp và hình thức dạy học phù hợp với đối tượng và từng hoàn cảnh cụ thể.

Hiểu rõ về điều kiện, môi trường học tập của học viên để linh hoạt trong quá trình thực hiện hoạt động giảng dạy.

7.2. Các phương pháp và chiến lược dạy học

- **Giảng viên** trên cơ sở nội dung của học phần và đặc điểm của học viên để sử dụng phối hợp linh hoạt các phương pháp sau:

- Phương pháp diễn giảng tích cực
- Phương pháp vấn đáp
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp dự án

Cùng với nhiều hình thức dạy học khác như: thảo luận nhóm, thuyết trình, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu theo vấn đề.

- **Học viên** cần thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm.
- Thực hiện thuyết trình.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham dự thi kết thúc học phần.

Bảng 3: Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của học viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, Seminar	Thuyết giảng Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán Luyện tập và thực hành

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực hiện chuyên đề môn học, luận văn tốt nghiệp	Yêu cầu Giải quyết vấn đề Nghiên cứu tình huống Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành	Mô phỏng Thực tế
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Học viên thảo luận nhóm, thuyết trình, báo cáo kết quả thực tập, thực tế	Tranh luận Thảo luận Giải quyết vấn đề Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, luận văn tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân Kế hoạch nghiên cứu

7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- CTĐT được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.
- Có nhiều hình thức hỗ trợ học viên thực hiện tốt nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng trong quá trình dạy học.
- Các giảng viên tham gia giảng dạy học phần và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp có những hình thức để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy và hướng dẫn để tự nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.
- Hàng năm Khoa đều phối hợp với Trung tâm ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của học viên về chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức, tác phong của giảng viên.
- Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

8.1. Đánh giá học phần

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.

- Trọng số quy định:

- Điểm giữa kỳ, chuyên cần, bài tập, ... : 30 - 40%
- Điểm thi kết thúc học phần: 60% - 70%. Hình thức thi theo học phần cụ thể ghi trong đề cương chi tiết. Tiêu chí đánh giá bài thi theo đáp án của giảng viên ra đề và các rubric.

- **Lưu ý:** Việc phân định trọng số đánh giá trên mang tính định hướng. Do vậy, trong quá trình đánh giá, giảng viên có thể có sự thay đổi tỉ lệ nói trên và thông báo cho học viên và Khoa đào tạo.

8.2. Cách tính điểm thành phần, điểm học phần

1. Điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. **Điểm học phần** là tổng điểm của tất cả các điểm thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, được cán bộ phụ trách quản lý điểm nhập điểm vào phần mềm quản lý trực tuyến và sau đó được hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0 – 10,0	A	4,0
Giỏi	8,0 – 8,9	B+	3,5
Khá	7,0 – 7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5 – 6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
Yếu	4,0 – 4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là ĐTBCHK, ĐTB CNH hoặc ĐTBCTL.

a_i : là điểm của học phần thứ i .

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i .

n : là tổng số học phần.

8.3. Rubric đánh giá học phần

8.3.1. Rubric – Đánh giá chuyên đề môn học

1. Phần báo cáo (Tỷ trọng: 40%)							
TT	Tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng	MỨC ĐÁNH GIÁ				
			0-2 điểm	>2 - 4 điểm	>4 - 6 điểm	>6 - 8 điểm	>8 điểm
1	Thiết kế Powerpoint	10%	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng chỉ cắt dán từ bài viết	Có thực hiện nhưng chưa xúc tích, không có hiệu ứng, hình ảnh minh họa	Thực hiện đầy đủ nội dung, xúc tích, hiệu ứng và hình ảnh minh họa chưa bắt mắt	Thực hiện đầy đủ nội dung, xúc tích, hiệu ứng và hình ảnh minh họa đẹp mắt
2	Khả năng thuyết trình	10%	Không thuyết trình được nội dung	Thuyết trình quá thời gian quy định/ không trình bày đầy đủ nội dung chính	Thuyết trình đầy đủ nội dung nhưng không mạch lạc	Thuyết trình đầy đủ nội dung, mạch lạc nhưng chưa lôi cuốn người nghe	Thuyết trình đầy đủ nội dung, mạch lạc và lôi cuốn người nghe
3	Trả lời câu hỏi thảo luận	20%	Không trả lời được câu hỏi	Trả lời được 50% nội dung câu hỏi	Trả lời được 65% đến dưới 80% nội dung câu hỏi	Trả lời được 80% đến dưới 90% nội dung câu hỏi	Trả lời được > 90% nội dung câu hỏi
2. Phần nội dung (60%)							
TT	Tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng	MỨC ĐÁNH GIÁ				
			0-2 ĐIỂM	>2 - 4 ĐIỂM	>4 - 6 ĐIỂM	>6 - 8	>8

1	Hình thức	5%	Không thực hiện theo quy định	Thực hiện đạt từ 50% đến dưới 65% quy định	Thực hiện đạt từ 65% đến dưới 80% quy định	Có thực hiện đạt từ 80% đến dưới 90% yêu cầu	Thực hiện đạt > 90% quy định, cách trình bày bắt mắt, ấn tượng
2	Cấu trúc	5%	Không thực hiện theo quy định/ không logic	Thực hiện đạt từ 50% đến dưới 65% quy định	Thực hiện đạt từ 65% đến dưới 80% quy định	Có thực hiện đạt từ 80% đến dưới 90% yêu cầu	Thực hiện đạt > 90% quy định
3	Đáp ứng yêu cầu chung về khoa học của vấn đề được báo cáo.	30%	Không liên quan đến vấn đề báo cáo	Đáp ứng yêu cầu từ 50% đến dưới 65%	Đáp ứng yêu cầu từ 65% đến dưới 80%	Đáp ứng yêu cầu từ 80% đến dưới 90%	Đáp ứng yêu cầu > 90%
4	Lược giải một cách chặt chẽ chính xác các nội dung báo cáo.	10%	Không lược giải được hoặc lược giải sai nội dung báo cáo	Đáp ứng từ 50% đến dưới 65%	Đáp ứng từ 65% đến dưới 80%	Đáp ứng từ 80% đến dưới 90%	Đáp ứng > 90%
5	Nêu ra được những nét mới và ý tưởng khoa học cho vấn đề báo cáo.	10%	Không có điểm mới nào	Nội dung không mới, nhưng cách thực hiện, tiếp cận có khác so với các nghiên cứu trước đây	Nội dung có điểm mới, nhưng được kế thừa từ các đề tài đã nghiên cứu trước đây	Nội dung có điểm mới, nhưng chưa nổi bật hơn so với các nghiên cứu trước đây	Có ý tưởng hoàn toàn mới so với các nghiên cứu trước đây
Tổng điểm đánh giá: 1 + 2			10 điểm				

8.3.2. Rubric – Đánh giá tiểu luận kết thúc học phần

TT	Tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng điểm	MỨC ĐÁNH GIÁ				
			0-2 điểm	>2 - 4 điểm	>4 - 6 điểm	>6 – 8 điểm	>8 điểm
1	Hình thức (Đúng quy định về hình thức trình bày; không sai sót về lỗi văn bản; ...)	10%	Không thực hiện theo quy định	Thực hiện đạt từ 50% đến dưới 65% quy định	Thực hiện đạt từ 65% đến dưới 80% quy định	Có thực hiện đạt từ 80% đến dưới 90% yêu cầu	Thực hiện đạt > 90% quy định, cách trình bày bắt mắt, ấn tượng
2	Nội dung tiểu luận	90%					
2.1	Tổng quan: Sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu; lược khảo tài liệu liên quan; mục tiêu; đối tượng; phạm vi; phương pháp; ý nghĩa;..	20%	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu)	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định	Thực hiện đạt > 90% quy định
2.2	Cơ sở lí thuyết và cơ sở thực tiễn: Các lí thuyết; các mô hình nghiên cứu, chọn lựa nghiên cứu đề tài; tổng quát nơi nghiên cứu; thông tin thực tiễn liên quan; các nghiên cứu trước; mô hình; phương pháp; quy trình...	15%	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu)	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định	Thực hiện đạt > 90% quy định
2.3	Kết quả nghiên cứu: Thu thập dữ liệu; phân tích xử lí; đánh giá và thảo luận kết quả; giải pháp; ...	40%	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định	Có thực hiện đạt mức > 90% yêu cầu,

TT	Tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng điểm	MỨC ĐÁNH GIÁ				
			0-2 điểm	>2 - 4 điểm	>4 - 6 điểm	>6 - 8 điểm	>8 điểm
				mức 50% đến dưới 65% yêu cầu)			mang tính ứng dụng cao
2.4	Kết luận và kiến nghị (hàm ý Quản trị)	15%	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu)	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định	Có thực hiện đạt mức > 90% yêu cầu
Tổng điểm đánh giá: 1 + 2			10 điểm				

8.3.3. Rubric - Đánh giá luận văn tốt nghiệp

TT	Tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng điểm	MỨC ĐÁNH GIÁ				
			0-2 điểm	>2 - 4 điểm	>4 - 6 điểm	>6 - 8 điểm	>8 điểm
1	Hình thức, cấu trúc	5%	Không thực hiện theo quy định	Thực hiện đạt từ 50% đến dưới 65% quy định	Thực hiện đạt từ 65% đến dưới 80% quy định	Có thực hiện đạt từ 80% đến dưới 90% yêu cầu	Thực hiện đạt > 90% quy định, cách trình bày bắt mắt, ấn tượng
2	Nội dung luận văn	75%					
2.1	<i>Tổng quan: Sự cần thiết nghiên cứu; lược khảo tài liệu liên quan nghiên cứu; mục tiêu; đối tượng; phạm vi; phương pháp; ý nghĩa,</i>	10%	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định	Thực hiện đạt > 90% quy định

TT	Tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng điểm	MỨC ĐÁNH GIÁ				
			0-2 điểm	>2 - 4 điểm	>4 - 6 điểm	>6 - 8 điểm	>8 điểm
				65% yêu cầu)			
2.2	<i>Cơ sở lý thuyết và cơ sở thực tiễn: các lý thuyết, mô hình nghiên cứu, mô hình chọn lựa nghiên cứu đề tài; tổng quát nơi nghiên cứu; thông tin thực tiễn liên quan; các nghiên cứu trước; mô hình; phương pháp; qui trình....</i>	20%	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu)	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định	Thực hiện đạt > 90% quy định
2.3	<i>Kết quả nghiên cứu: Thu thập dữ liệu; phân tích xử lý; kết quả; tổng hợp kết quả, giải pháp; thảo luận kết quả</i>	35%	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu)	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định	Có thực hiện đạt mức > 90% yêu cầu, mang tính ứng dụng cao
2.4	<i>Kết luận và kiến nghị: Tổng hợp nghiên cứu; các thông tin có ý nghĩa; Hàm ý quản trị, giải pháp- khuyến nghị, ...</i>	10%	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu)	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định	Có thực hiện đạt mức > 90% yêu cầu
3	Công trình khoa học đã công bố gắn với nội dung luận văn (bài báo khoa học)	10%					

TT	Tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng điểm	MỨC ĐÁNH GIÁ				
			0-2 điểm	>2 - 4 điểm	>4 - 6 điểm	>6 - 8 điểm	>8 điểm
4	Bảo vệ	10%					
4.1	Thiết kế Powerpoint	2,5%	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng chi cắt dán từ bài viết	Có thực hiện nhưng chưa xúc tích, không có hiệu ứng, hình ảnh minh họa	Thực hiện đầu đủ nội dung, xúc tích, hiệu ứng và hình ảnh minh họa chưa bắt mắt	Thực hiện đầu đủ nội dung, xúc tích, hiệu ứng và hình ảnh minh họa đẹp mắt
4.2	Khả năng thuyết trình	2,5%	Không thuyết trình được nội dung	Thuyết trình quá thời gian quy định/ không trình bày đầy đủ nội dung chính	Thuyết trình đầy đủ nội dung nhưng không mạch lạc	Thuyết trình đầy đủ nội dung, mạch lạc nhưng chưa lôi cuốn người nghe	Thuyết trình đầy đủ nội dung, mạch lạc và lôi cuốn người nghe
4.3	Trả lời câu hỏi của hội đồng	5%	Không trả lời được câu hỏi của hội đồng	Trả lời được 50% nội dung câu hỏi	Trả lời được 65% đến dưới 80% nội dung câu hỏi	Trả lời được 80% đến dưới 90% nội dung câu hỏi	Trả lời được > 90% nội dung câu hỏi
Tổng điểm đánh giá: 1 + 2 + 3 + 4			10 điểm				

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh gồm: 60 TC. Chương trình gồm những học phần chung, học phần cơ sở và học phần chuyên ngành bắt buộc và tự chọn được cấu trúc như sau:

TT	Cấu trúc chương trình	Khối lượng (TC)	Tỷ lệ (%)
1	Kiến thức chung	6	10
2	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	39	65
3	Luận văn tốt nghiệp	15	25
TỔNG CỘNG		60	100

9.2. Danh mục các học phần

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số	Lí thuyết	Thực hành
HỌC PHẦN BẮT BUỘC					
Phần 1: Kiến thức chung (6 TC)					
1	001166	Triết học	3	2	1
2	001706	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	3	2	1
Phần 2: Kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc (21 TC)					
3	001710	Phương pháp luận NCKH trong kinh doanh	3	2	1
4	001170	Luật kinh doanh quốc tế	3	2	1
5	001190	Quản trị Tài chính và kế toán cho cấp quản trị	3	2	1
6	001783	Lý thuyết và các mô hình quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	3	2	1
7	001784	Quản trị marketing nâng cao	3	2	1
8	001785	Chiến lược và các mô hình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp	3	2	1
9	001786	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	3	2	1

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
Phần 3: Kiến thức chuyên ngành tự chọn (18 TC - chọn trong 17 học phần)					
10	001180	Quản trị sản xuất dịch vụ	3	2	1
11	001787	Quản trị chất lượng nâng cao	3	2	1
12	001744	Quản trị rủi ro	3	2	1
13	001181	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	2	1
14	001182	Hành vi tổ chức	3	2	1
15	001183	Xử lý dữ liệu phần mềm SPSS	3	2	1
16	001184	Quản trị chuỗi cung ứng và logistic	3	2	1
17	001788	Quản trị hệ thống doanh nghiệp	3	2	1
18	001186	Quản trị sự thay đổi	3	2	1
19	002188	Quản trị xung đột	3	2	1
20	001192	Nghiên cứu Marketing	3	2	1
21	001187	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	2	1
22	001189	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	3	2	1
23	002189	Quản trị khủng hoảng	3	2	1
24	001191	Tái cấu trúc sát nhập và mua lại công ty	3	2	1
25	001193	Nhượng quyền thương mại	3	2	1
26	001171	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	2	1
Phần 4: Luận văn tốt nghiệp			15		15
27	001721	Luận văn tốt nghiệp	15		15

9.3. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Lý thuyết	Thực hành
HỌC KỲ 1					
HỌC PHẦN BẮT BUỘC					
1	001166	Triết học	3	2	1

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Lý thuyết	Thực hành
2	001706	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	3	2	1
3	001710	Phương pháp luận NCKH trong kinh doanh	3	2	1
4	001170	Luật kinh doanh quốc tế	3	2	1
5	001190	Quản trị Tài chính và kế toán cho cấp quản trị	3	2	1
TỔNG CỘNG HK1			15	10	5
HỌC KỲ 2					
		HỌC PHẦN BẮT BUỘC			
1	001783	Lý thuyết và các mô hình quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	3	2	1
2	001784	Quản trị marketing nâng cao	3	2	1
3	001785	Chiến lược và các mô hình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp	3	2	1
4	001786	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	3	2	1
		HỌC PHẦN TỰ CHỌN	3	2	1
1	001180	Quản trị sản xuất dịch vụ	3	2	1
2	001189	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	3	2	1
3	001193	Nhượng quyền thương mại	3	2	1
4	001171	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	2	1
5	001787	Quản trị chất lượng nâng cao	3	2	1
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			15	10	5
HỌC KỲ 3					
STT	MÃ HP	HỌC PHẦN TỰ CHỌN			
1	001181	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	2	1
2	001182	Hành vi tổ chức	3	2	1

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Lý thuyết	Thực hành
3	001184	Quản trị chuỗi cung ứng và Logistic	3	2	1
4	001788	Quản trị hệ thống doanh nghiệp	3	2	1
5	001186	Quản trị sự thay đổi	3	2	1
6	001192	Nghiên cứu Marketing	3	2	1
7	002188	Quản trị xung đột	3	2	1
8	001192	Nghiên cứu Marketing	3	2	1
9	001187	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	2	1
10	002189	Quản trị khủng hoảng	3	2	1
11	001191	Tái cấu trúc sát nhập và mua lại công ty	3	2	1
12	001193	Nhượng quyền thương mại	3	2	1
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			15	10	5
HỌC KỲ 4					
	001721	Luận văn tốt nghiệp	15		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			60		

**MA TRẬN TÍCH HỢP CHUẨN ĐẦU RA CTĐT VỚI MỤC TIÊU CỦA CTĐT
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	CHUẨN ĐẦU RA														
	Kiến thức					Kỹ năng							Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K1	K2	K3	K4	K5	S6	S7	S8	S9	S10	S11	S12	C13	C14	C15
G1	X	X	X		X										
G2				X	X										
G3		X													
G4									X						
G5						X				X					
G6						X	X	X							
G7					X							X			
G8											X	X			
G9						X	X				X		X	X	
G10															X

**MA TRẬN TÍCH HỢP CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN-CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA																
			Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm					
			K1	K2	K3	K4	K5	S6	S7	S8	S9	S10	S11	S12	C13	C14	C15		
HỌC PHẦN BẮT BUỘC																			
1	001166	Triết học	x																
2	001706	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	x	x										x					
3	001710	Phương pháp luận NCKH trong kinh doanh	x					x	x		x	x						x	
4	001170	Luật kinh doanh quốc tế	x								x	x	x					x	
5	001190	Quản trị Tài chính và kế toán cho cấp quản trị	x		x				x	x	x	x	x					x	x
6	001783	Lý thuyết và các mô hình quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp			x			x			x						x		x
7	001784	Quản trị marketing nâng cao				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	

STT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA														
			Kiến thức					Kỹ năng							Mức tự chủ và trách nhiệm		
			K1	K2	K3	K4	K5	S6	S7	S8	S9	S10	S11	S12	C13	C14	C15
8	001785	Chiến lược và các mô hình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp				x	x	x	x	x	x	x	x	x			x
9	001786	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp				x			x		x	x					x
HỌC PHẦN TỰ CHỌN																	
10	001180	Quản trị sản xuất dịch vụ			x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
11	001787	Quản trị chất lượng nâng cao				x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
12	001744	Quản trị rủi ro				x	x	x	x	x		x			x	x	x
13	001181	Quản trị kinh doanh quốc tế	x				x	x	x	x		x			x	x	x
14	001182	Hành vi tổ chức				x		x		x	x						x
15	001183	Xử lý dữ liệu phần mềm SPSS		x			x	x	x	x							x
16	001184	Quản trị chuỗi cung ứng và logistic					x	x		x	x		x	x	x	x	x
17	001788	Quản trị hệ thống doanh nghiệp			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA															
			Kiến thức					Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm		
			K1	K2	K3	K4	K5	S6	S7	S8	S9	S10	S11	S12	C13	C14	C15	
18	001186	Quản trị sự thay đổi			X		X	X	X	X	X	X		X	X	X		
19	002188	Quản trị xung đột				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
20	001192	Nghiên cứu Marketing		X			X	X	X	X	X			X		X		
21	001187	Quản trị ngân hàng hiện đại	X					X		X	X	X		X		X		
22	001189	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo				X	X	X		X	X					X		
23	002189	Quản trị khủng hoảng						X	X	X	X	X		X	X	X		
24	001191	Tái cấu trúc sát nhập và mua lại công ty					X			X	X	X		X		X		
25	001193	Nhượng quyền thương mại					X			X	X	X				X		
26	001171	Phân tích định lượng trong kinh doanh		X				X	X	X	X	X		X		X		
27	001721	Luận văn tốt nghiệp (QTKD)	X	X	X	X		X	X		X		X	X	X	X		

10. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

10.1. Triết học (03TC: 02LT, 01TH)

Trong học phần này học viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lịch sử triết học, về các chuyên đề của triết học Mác-Lênin bao gồm: Khái lược triết học và lịch sử triết học; Triết học Mác-Lênin cơ sở lý luận của thế giới quan và phương pháp luận khoa học; Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong triết học Mác-Lênin; Lý luận hình thái kinh tế - xã hội và vận dụng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Giai cấp, dân tộc, nhân loại và vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay; Quan điểm triết học Mác-Lênin về con người và vấn đề xây dựng con người Việt Nam hiện nay.

10.2. Tiếng Anh chuyên ngành QTKD (03TC: 02LT, 01TH)

Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh là một trong những môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức chung của ngành Quản trị kinh doanh.

Môn học giúp học viên lĩnh hội được kiến thức cơ bản về từ vựng sử dụng trong chuyên ngành loại hình doanh nghiệp, cấu trúc công ty, cách tạo động lực cho nhân viên, công tác tuyển dụng và xin việc bằng tiếng Anh và có thể giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh.

10.3. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong kinh doanh (03TC: 02LT, 01TH)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về qui trình thực hiện đề tài khoa học định tính và định lượng. Người học cũng được cung cấp các kiến thức về: cách xác định đề tài nghiên cứu, cách thực hiện, mô hình nghiên cứu, các biến, thang đo, phiếu khảo sát, xây dựng đề cương, trình bày luận văn,.... Từ đó, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức trên để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học. Môn học cũng giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học từ đó có thái độ tích cực hơn với những nghiên cứu khoa học.

10.4. Luật kinh doanh quốc tế (3TC: 02LT, 01TH)

Với môn học này, học viên sẽ được trang bị các kiến thức về:

- Những vấn đề chung về luật kinh doanh quốc tế.
- Bối cảnh thể chế và kinh tế của hệ thống thương mại quốc tế và phân tích các cơ hội và thách thức trong kinh doanh quốc tế.
- Các vấn đề pháp lý về đầu tư trực tiếp nước ngoài.
- Hợp đồng trong kinh doanh quốc tế.
- Vấn đề phá sản có yếu tố quốc tế.
- Phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế.

10.5. Quản trị Tài chính và kế toán cho cấp quản trị (03TC: 02LT, 01TH)

Học phần hình thành tri thức cho người học những kiến thức về quản trị tài sản, quản trị nợ và quản trị các vấn đề về tài chính trong doanh nghiệp.

Trên cơ sở những thông tin kế toán quản trị, người học sử dụng các phương pháp phân tích phù hợp, để đánh giá trách nhiệm của các bộ phận trong tổ chức trong từng thời kỳ quản trị nhất định.

10.6. Lý thuyết và các mô hình quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp (03TC: 02LT, 01TH)

Mục tiêu của học phần này là phát triển khả năng của người học trong việc ứng dụng kiến thức quản trị nhân sự để thu hút, xây dựng, sử dụng, phát triển, đánh giá và bảo toàn lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu của tổ chức cả về mặt số lượng và chất lượng.

Học phần đề cập đến các nội dung về vai trò và tầm quan trọng của quản trị nhân sự, sự phân chia trách nhiệm nhân sự trong tổ chức, phân tích công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo, đãi ngộ, tuyển dụng và tạo động lực trong lao động.

10.7. Quản trị Marketing nâng cao (03TC: 02LT, 01TH)

- Giới thiệu những triết lý kinh doanh hiện đại để tham gia vào kinh tế thị trường
- Cung cấp một số khái niệm về Quản trị Marketing
- Giúp người học biết cách phân tích thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu
- Hiểu và triển khai chiến lược Marketing thông qua 4 công cụ của Marketing mix: Sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến.

10.8. Chiến lược và các mô hình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp (03TC: 02LT, 01TH)

Mục tiêu của học phần là cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Quản trị chiến lược, giúp cho người học có thể phân tích, đánh giá và đưa ra những giải pháp cho các vấn đề chiến lược trong doanh nghiệp, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng nó trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những nội dung chủ yếu bao gồm: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Mục tiêu sứ mạng của doanh nghiệp; Mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát, điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trên cơ sở phân tích về môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong của doanh nghiệp); Các chiến lược kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp; Các chiến lược cạnh tranh và chiến lược trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

10.9. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (03TC: 02LT, 01TH)

Học phần sẽ cung cấp cho học viên cao học các kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp. Bắt đầu từ các khái niệm, giảng viên sẽ chuyển tải nội hàm đạo đức trong kinh doanh và cấu trúc của văn hóa doanh nghiệp. Học phần này cũng cung cấp các đánh giá về vai trò đạo đức và văn hóa trong kinh doanh, cách thức nghiên cứu khám phá vấn đề này ở một tổ chức. Học phần sẽ cung cấp cách thức xây dựng bộ chuẩn mực về đạo đức kinh doanh và bộ tài liệu văn hóa của một tổ chức.

10.10. Quản trị sản xuất dịch vụ (03TC: 02LT, 01TH)

Khái niệm sản xuất chỉ các hoạt động tác nghiệp để chuyển đổi các yếu tố đầu vào thành các yếu tố đầu ra là sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu xã hội. Với vị trí và chức năng cốt lõi trong một đơn vị tổ chức nên quản trị sản xuất là một trong những môn học bắt buộc đối với học viên ngành quản trị kinh doanh và là vấn đề mà các tổ chức kinh tế luôn đặt ra yêu cầu phát triển cho đơn vị mình. Học phần quản trị sản xuất sẽ chủ yếu tập trung vào 3 phần gồm: (1) Giới thiệu tổng quan về quản trị sản xuất; (2) Thiết kế hệ thống sản xuất & dịch vụ và (3) Vận hành hệ thống sản xuất.

Để chuyển tải nội dung trên, các kiến thức cơ bản, thiết thực và gần gũi sẽ được trình bày với các minh họa dựa trên các tình huống thực tế có liên quan để chuyển tải nội dung đến sinh viên. Ngoài ra, các bài tập thực hành và bài tập nhóm sẽ giúp sinh viên tiếp cận kiến thức môn học được thuận lợi.

10.11. Quản trị chất lượng cao (03TC: 02LT, 01TH)

Học phần trình bày tầm quan trọng của chất lượng và công tác quản lý chất lượng trong một tổ chức, một doanh nghiệp.

Chỉ ra được bản chất và những nguyên tắc cơ bản khi xây dựng một Hệ thống quản trị chất lượng theo những yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015.

Phân tích những yếu tố căn bản và quy trình xây dựng, vận hành, quản lý chất lượng trong DN theo các tiêu chuẩn ISO 9001, để hội nhập quốc tế thành công.

10.12. Quản trị rủi ro (03TC: 02LT, 01TH)

Quản trị rủi ro: là một hoạt động cần thiết không chỉ cho giới kinh doanh mà cho cả các lãnh vực đời sống bình thường. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Môn học này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro trong thẩm định và quản trị dự án, rủi ro tỉ giá, rủi ro trong đầu tư, ...

10.13. Quản trị kinh doanh quốc tế (03TC: 02LT, 01TH)

Nội dung học phần gồm 3 chương sẽ trang bị cho người những kiến thức chủ yếu về phân tích chiến lược kinh doanh toàn cầu và quản lý hoạt động kinh doanh xuyên quốc gia. Cụ thể, các kiến thức này tập trung vào các khái niệm cơ bản về kinh doanh quốc tế, môi trường kinh doanh quốc tế, và chiến lược kinh doanh quốc tế thay vì chỉ tập trung vào khía cạnh quản lý chiến lược kinh doanh xuyên biên giới và quản lý nhân sự trong môi trường đa văn hóa theo mô hình công ty mẹ và công ty con. Đồng thời, học viên còn được tiếp cận với nhiều tình huống thực tế (cases) nhằm hướng đến hoàn thiện cả về tư duy quản lý và thực hành kinh doanh trong thực tiễn.

10.14. Hành vi tổ chức (03 TC: 02LT, 01TH)

Học phần quản trị hành vi tổ chức bao gồm những nội dung kiến thức về hành vi con người trên ba cấp độ trong một thể thống nhất: cá nhân, nhóm và tổ chức. Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến cấp độ cá nhân như đặc tính tiểu sử, tính cách, nhận thức, học tập, giá trị, thái độ, sự thỏa mãn đối với công việc đã ảnh hưởng như thế nào đến các hành vi trong tổ chức. Giải thích được những ảnh hưởng của các biến trong cấp độ nhóm đến kết quả công việc và sự hài lòng của nhóm. Nêu lên những tác động của văn hóa tổ chức đến những hành vi con người trong tổ chức.

10.15. Xử lý dữ liệu phần mềm SPSS (03 TC: 02LT, 01TH)

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để vận dụng các công cụ thông tin vào công việc nghiên cứu marketing của Doanh nghiệp, thiết kế và tổ chức xử lý và quản lý dữ liệu cho các hoạt động nghiên cứu thị trường phục vụ cho tiến trình ra quyết định của doanh nghiệp. Hiểu rõ và biết cách tiến hành thu thập, tổ chức, thu mẫu ước lượng các thống kê mô tả, kiểm định giả thuyết và phân tích các dữ liệu, từ đó rút ra được các kết luận đúng đắn giúp cho các quyết định và lập các kế hoạch phù hợp cho từng trường hợp cụ thể trong thực tế.

10.16. Quản trị chuỗi cung ứng và logistic (03TC: 02LT, 01TH)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng và logistic, những kỹ năng cần thiết để ứng dụng quản trị chuỗi cung ứng và logistic vào trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Cấu trúc học phần bao gồm:

- Chương 1: Tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng.
- Chương 2: Các quy trình chuỗi cung ứng: Hoạch định và thu mua.
- Chương 3: Các quy trình chuỗi cung ứng: Sản xuất và phân phối.
- Chương 4: Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuỗi cung ứng.
- Chương 5: Hệ thống đo lường hiệu suất hoạt động chuỗi cung ứng.
- Chương 6: Xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng

10.17. Quản trị hệ thống doanh nghiệp (03TC: 02LT, 01TH)

Chuyên đề này nhằm trang bị cho học viên nhận diện quy trình cốt lõi của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải xây dựng các quy chuẩn đặc thù phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh. Các quy chuẩn phải được xây dựng thành hệ thống để cải thiện hiệu suất làm việc của toàn doanh nghiệp. Kết thúc chuyên đề học viên sẽ sử dụng được những kỹ thuật trong xây dựng mục tiêu doanh nghiệp, cấu trúc doanh nghiệp và mô tả các quy trình vận hành doanh nghiệp. Chủ đề được thảo luận bao gồm: (1) Tổng quan về phát triển hệ thống; (2) Quy trình phát triển hệ thống; (3) Cấu trúc doanh nghiệp; (4) Hoạch định tổng thể doanh nghiệp; (5) Quy trình phát triển hệ thống; (6) Quản lý thực hiện hệ thống và (7) Quản trị hiệu quả công việc.

10.18. Quản trị sự thay đổi (03TC: 02LT, 01TH)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về sự thay đổi như: hình thức thay đổi, loại thay đổi những áp lực khiến cho tổ chức phải thay đổi... Người học cũng được cung cấp các kiến thức về những mô hình quản trị sự thay đổi, quy trình quản trị sự thay đổi, những phản ứng của các cá nhân trong tổ chức trước những thay đổi. Từ đó, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức về quản trị sự thay đổi để lập được kế hoạch cho sự thay đổi, theo dõi, kiểm soát quá trình thay đổi, đưa ra những biện pháp xử lý những phản ứng của con người trước thay đổi trong tổ chức để đảm bảo hiệu quả cho tổ chức trong quá trình thay đổi. Môn học cũng giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị sự thay đổi từ đó có thái độ tích cực hơn với những thay đổi trong cuộc sống.

10.19. Quản trị xung đột (03TC: 02LT, 01TH)

Học phần quản trị xung đột cung cấp kiến thức về nguồn gốc và bản chất của từng loại xung đột trong tổ chức; Biết cách vận dụng quy trình quản trị xung đột và các kỹ thuật xử lý từng loại xung đột trong tổ chức; Và giúp người học nhận diện được các yêu cầu về đạo đức trong công tác quản trị xung đột trong tổ chức.

10.20. Nghiên cứu Marketing (03TC: 02LT, 01TH)

Trang bị kiến thức, phương pháp thực hiện nghiên cứu Marketing. Nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của việc công tác nghiên cứu Marketing trong hoạt động marketing và kinh doanh của doanh nghiệp. Học viên vận dụng và thực hiện được công tác nghiên cứu Marketing trong thực tiễn. Đảm nhận các công việc liên quan đến hoạch định – thực hiện các dự án nghiên cứu Marketing. Tư duy, nhìn nhận và giải quyết vấn đề mang tính khoa học. Hình thành và phát triển khả năng làm việc độc lập, tự chủ, năng động, sáng tạo, chịu khó.

10.21. Quản trị ngân hàng hiện đại (03TC: 02LT, 01TH)

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các mảng quản trị trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại. Sau khi học xong học phần này người học ngoài được tiếp tục củng cố vững toàn diện hơn về cách hoạch định – tổ chức – kiểm soát trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng để có đủ kỹ năng công tác tại các ngân hàng thương mại hiện nay.

10.22. Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo (03TC: 02LT, 01TH)

Học phần này trang bị kiến thức về lãnh đạo bao gồm những nội dung chủ yếu: bản chất của quyền lực, lãnh đạo, phong cách lãnh đạo, tầm nhìn, các phương pháp giải quyết vấn đề cũng như văn hóa, đạo đức và các phẩm chất của nhà lãnh đạo. Cung cấp kiến thức về nghệ thuật lãnh đạo trong hoạt động tuyển dụng, bố trí nhân sự phù hợp, đánh giá phê bình, động viên nhân viên, giải quyết khéo léo các xung đột trong tổ chức. Học phần này cũng trang bị cho học viên kỹ năng làm chủ các tình huống trong quản trị, nền tảng để lãnh đạo doanh nghiệp.

10.23. Quản trị khủng hoảng (03TC: 02LT, 01TH)

Khủng hoảng truyền thông là quá trình mà theo đó một tổ chức có thể đối mặt với các sự kiện, các vấn đề đôi khi không thể đoán trước, qua đó đe dọa và gây tổn hại đến tổ chức, các bên liên quan hoặc giới công chúng. Học phần quản trị khủng hoảng cung cấp những kiến thức cơ bản về khủng hoảng và các biện pháp, kỹ thuật xử lý khủng hoảng. Học viên sẽ áp dụng kiến thức và kỹ năng để xây dựng kế hoạch quản lý khủng hoảng và chiến lược truyền thông cho một tổ chức.

10.24. Tái cấu trúc sát nhập và mua lại công ty (03TC: 02LT, 01TH)

Học phần này cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hiện tái cấu trúc và sát nhập, để đáp ứng nhu cầu mới và sự phát triển của thị trường. Ngoài ra học phần còn cung cấp kiến thức quản trị sát nhập công ty và tái cấu trúc khi mua lại sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

10.25. Nhượng quyền thương mại (03TC: 02LT, 01TH)

Một lĩnh vực mới mẻ nhưng đầy tiềm năng phát triển đã xuất hiện tại Việt Nam và đang ngày càng phát triển đó là hình thức kinh doanh nhượng quyền thương mại. Nhượng quyền thương mại là cách để tăng sức mạnh cho các thương hiệu Việt Nam và cũng chính là cách tốt nhất để quảng bá cũng như tạo nội lực cho thương hiệu đó và cũng là một việc làm khôn ngoan cho các doanh nghiệp Việt Nam trong thời kì hội nhập.

10.26. Phân tích định lượng trong kinh doanh (03TC: 02LT, 01TH)

Chuyên đề này nhằm trang bị cho học viên năng lực phân tích dữ liệu nghiên cứu với phần mềm thống kê SPSS. Kết thúc chuyên đề học viên sẽ sử dụng được những công cụ phổ biến của SPSS phục vụ cho việc phân tích và diễn giải kết quả nghiên cứu trong

lĩnh vực kinh tế - kinh doanh và đặc biệt ứng dụng thực hiện luận văn thạc sĩ Quản trị kinh doanh, trong đó chú trọng đến phân biệt và sử dụng các công cụ thống kê thích hợp với điều kiện dữ liệu đang có, đọc hiểu kết quả kết xuất từ máy tính.

Chủ đề được thảo luận bao gồm:

- SPSS cài đặt và ứng dụng.
- Mã hóa dữ liệu (data coding).
- Dò tìm lỗi số liệu (data screening).
- Thống kê mô tả định tính (frequencies statistics).
- Thống kê mô tả định lượng (descriptives statistics).
- Đo lường độ tin cậy thang đo (cronbach alpha).
- Đo lường phân tích nhân tố (factor analysis).
- Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến (multiple regression).
- Dò tìm giả định hồi quy (Regression assumption violation).
- Giải thích mô hình (model explanation).
- Đề xuất hàm ý quản trị (managerial implications).

11. ĐỐI SÁNH CTĐT

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD của Trường Đại học Tây Đô được đối sánh với một số CTĐT trình độ thạc sĩ cùng ngành của các trường Đại học khác như: Trường Đại học Cần Thơ; Trường Đại học Tài chính – Marketing, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh và Trường Đại học Benedictine (www.ben.edu) tại Lisle, Chicago, Illinois, Mỹ. Trên cơ sở đó để đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình, cụ thể là:

Bảng 5. Bảng đối sánh CTĐT

Mô tả	ĐH Tây Đô		ĐH Cần Thơ		ĐH Tài chính – Marketing TPHCM		ĐH Kinh tế TPHCM		Đại học Benedictine (Mỹ)	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức chung	6	10%	4	7%	9	15%	9	15%	0	0%
Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành bắt buộc	21	35%	23	38%	20	33.3%	20	33,3%	52	81,25 %

Mô tả	ĐH Tây Đô		ĐH Cần Thơ		ĐH Tài chính – Marketing TPHCM		ĐH Kinh tế TPHCM		Đại học Benedictine (Mĩ)	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành tự chọn	18	30%	18	30%	21	35%	21	35%	12	18,75%
Luận văn tốt nghiệp	15	25%	15	25%	10	16,7%	10	16,7%	0	0%
Tổng cộng	60	100%	60	100%	60	100%	60	100%	64	100%

Bảng đối sánh cho thấy, các CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD của các Trường Đại học trong nước nói trên có số tín chỉ cho các nhóm kiến thức phù hợp với yêu cầu về chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Với Trường Đại học Cần Thơ, ở khối kiến thức chung, về kiến thức ngoại ngữ, học viên có thể nộp chứng chỉ B1 của các cơ sở đào tạo mà Bộ cho phép, hoặc tham gia học phần ngoại ngữ do trường tổ chức riêng cho học viên theo quy định. Với Đại học Benedictine (Mĩ), học viên không học kiến thức chung và không làm luận văn tốt nghiệp.

12. PHÊ DUYỆT CTĐT

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG KHOA

ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ KINH DOANH



PGS.TS. Trần Công Luận

PGS.TS. Phan Văn Thơm

PGS.TS. Đào Duy Huân